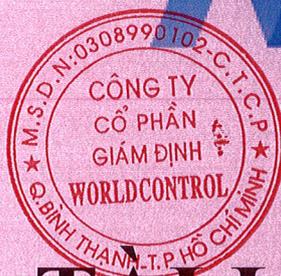


CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH  
WORLDCONTROL



# TÀI LIỆU

## HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Lần 3

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2020



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2020



## CHƯƠNG TRÌNH

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Thời gian: Từ 9h30 đến 11h45, ngày 24/04/2020

Địa điểm: VP GD số 45 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Thời gian	Nội dung
9h00 đến 9h30	Đón tiếp khách mời và các cổ đông
9h30 đến 9h40	Chào mừng, Khai mạc ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 Lần 3
9h40 đến 9h45	Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông
9h45 đến 9h50	Thông qua Chương trình và Quy chế ĐH
9h50 đến 10h00	Báo cáo hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch thực hiện trong năm 2020 của Công ty
10h00 đến 10h10	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của HĐQT
10h10 đến 10h20	Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của KSV
10h20 đến 10h30	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019
10h30 đến 10h35	Tờ trình thông qua về việc quyết toán thù lao HĐQT, KSV năm 2019 và kế hoạch ngân sách thù lao HĐQT, KSV năm 2020.
10h35 đến 10h50	Tờ trình phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2020
10h50 đến 11h05	Tờ trình thông qua về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán năm 2020
11h05 đến 11h15	Nghỉ giải lao
11:15 đến 11:30	Đại hội thảo luận và giải đáp thắc mắc của Cổ đông
11:30 đến 11:45	<b>Tổng kết:</b> 1. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội 2. Bế mạc Đại hội

Số: 22/BC-WSC-BGD-2020

TP. HCM, ngày 27 tháng 03 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **TỔNG KẾT CÔNG TÁC SXKD NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020**

#### **PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019**

##### **I. Những thuận lợi và khó khăn trong việc triển khai kế hoạch SXKD năm 2019**

###### **1. Thuận lợi**

- Trong bối cảnh đầy biến động, mặc dù còn có những thiếu sót, bất cập trong quản lý, điều hành nhưng với sự nỗ lực phấn đấu vượt bậc, năng động sáng tạo của toàn thể nhân viên, Công ty đã vượt qua khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu quan trọng. Doanh thu tăng trưởng cao, bảo toàn và phát triển vốn của chủ sở hữu đầu tư tại Công ty.
- WSC tiếp tục duy trì thành công dịch vụ mới là giám định lĩnh vực phế liệu nhận được sự ủng hộ cao từ khách hàng và cơ quan quản lý nhà nước.
- Công tác tiếp thị, quảng bá thương hiệu được đẩy mạnh, cổng thông tin điện tử của Công ty được chú trọng hoàn thiện.
- Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty thường xuyên cập nhật, thay đổi nhằm đưa ra các chuẩn mực quản lý chất lượng một cách khoa học để kiểm soát rủi ro, ngăn ngừa sai phạm, cải thiện cách làm việc khoa học, ổn định.

###### **2. Khó khăn**

- Năng lực hoạt động giám định của WSC cần đẩy mạnh, nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe từ các khách hàng đòi hỏi đội ngũ nhân lực và tài sản thiết bị kỹ thuật đáp ứng yêu cầu về chất lượng dịch vụ.
- Các khó khăn cố hữu của WSC trong những năm vừa qua như: quy mô vốn nhỏ, trang thiết bị vật tư kỹ thuật còn hạn chế, với phạm vi hoạt động trải dài từ Bắc vào Nam, cơ sở vật chất chưa hoàn thiện dẫn đến chi phí lớn liên quan việc thuê mượn nhân công, máy móc thiết bị phục vụ công việc và các chi phí quản lý khác.
- Các gói thầu lớn đều được khách hàng thực hiện đấu thầu cạnh tranh với yêu cầu năng lực tài chính cũng như cơ sở vật chất kỹ thuật ngày càng cao. Do vậy, với những khó khăn nội tại của WSC như đã nêu cũng cản trở khả năng cạnh tranh khi đấu thầu, một phần gây ảnh hưởng đến việc không tận dụng được các cơ hội kinh doanh và các mối quan hệ của Ban lãnh đạo Công ty.
- Do đặc thù công việc và các khó khăn về vốn nên WSC cũng gặp khó khăn trong việc tuyển dụng các nguồn lao động có trình độ cao, đặc biệt là vị trí quản lý cấp cao nhất trong bối cảnh có rất nhiều đơn vị hoạt động trong cùng lĩnh vực được thành lập mới,



cũng như là sự tham gia trực tiếp của các Công ty giám định nước ngoài với các chính sách, đãi ngộ tốt để thu hút các giám định viên có trình độ đạt chuẩn quốc tế và kinh nghiệm cao.

- Đồng thời do thời gian ưu tiên chủ yếu để đáp ứng yêu cầu công việc nên công tác đào tạo mặc dù đã được quan tâm và đặc biệt chú trọng triển khai thực hiện nhưng kết quả ghi nhận được vẫn còn khiêm tốn.

## II. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

Đơn vị: triệu đồng.

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 2018	KH TH 2019	Thực hiện 2019	Tỉ lệ so sánh (%) TH 2019 với	
					KH 2019	TH 2018
A	B	1	2	3	4=3/2	4=3/1
1.	Vốn điều lệ	1.800	1.800	1.800	100	100
2.	Doanh thu	8.672	9.100	27.305	300,1	314,9
3.	Lợi nhuận trước thuế	139,02	200	480,96	240,5	346
4.	Lợi nhuận sau thuế	111,21	160	384,76	240,5	346
5.	Tỷ suất LNST/ VDL	6,2%	8,9%	21,4%		

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2018, 2019 của WSC)

**Đánh giá chung:** Công ty đều hoàn thành vượt mức trong tất cả các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của năm 2019 so với kế hoạch đề ra, cụ thể:

- Doanh thu năm 2019 đạt 27,305 tỷ đồng, đạt 300,1% so với kế hoạch đề ra và mức tăng trưởng 214,9 % so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước năm 2019 đạt 480,96 triệu đồng, đạt 240,5 % so với kế hoạch đề ra và mức tăng trưởng 246 % so với năm 2018.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 384,76 triệu đồng, đạt 240,5 % so với kế hoạch đề ra và mức tăng trưởng 246 % so với năm 2018.
- Tỷ suất LNST/ VDL đạt 21,4 % đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

## III. Kết quả thực hiện đầu tư

- Do các hạn chế về nguồn vốn, trong năm WSC không thực hiện các hạng mục đầu tư lớn chỉ tổ chức thực hiện mua sắm các công cụ, dụng cụ phục vụ hoạt động SXKD.

## IV. Kết quả thực hiện công tác lao động, đào tạo, hoạt động của các tổ chức đoàn thể

1. Công tác lao động, tiền lương: tổng lao động bình quân trong năm là 58 nhân sự. Thu nhập bình quân đạt là 7,3 trđ/người/tháng.
2. Công tác đào tạo: Công ty luôn đặt nhiệm vụ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực lên hàng đầu bằng hình thức đào tạo nội bộ và bên ngoài, đặc biệt là nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ quản lý và bồi dưỡng kỹ năng nghề cho các bộ nhân viên theo yêu cầu công việc và định hướng phát triển lâu dài. Đã thực hiện đào tạo trong năm 2019 với 83 lượt đào tạo.
3. Công tác an sinh – xã hội: Công ty luôn xem công tác An sinh xã hội là một trong những hoạt động ưu tiên hàng đầu, được triển khai, thực hiện một cách thường xuyên và đúng trọng tâm nhằm giúp ích cho CBNV, xã hội, cộng đồng vượt qua những khó khăn nhất thời trong cuộc sống.

## **PHẦN II: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020**

### **I. Dự đoán bối cảnh năm 2020**

#### **1. Thuận lợi**

- Dịch bệnh Covid-19 lây lan nhanh chóng đã gây ra thiệt hại đáng kể đến nhiều ngành kinh tế thế giới. Chính sự đóng cửa các nhà máy tại Trung Quốc khiến hàng loạt cơ sở nhà máy sản xuất tại nước ngoài bị tạm dừng hoạt động do không có sản phẩm đầu vào từ quốc gia châu Á này. Thế nên, đây là thời điểm mà các nhà quản lý chuỗi cung ứng cần tìm nguồn cung cấp thay thế trong ngắn hạn bên ngoài Trung Quốc. Trong đó, các nền kinh tế như Việt Nam, Đài Loan được báo cáo nhắc đến có thể là điểm đến thay thế hấp dẫn cho các nhà sản xuất công nghiệp.
- Theo dự báo tổng cục thống kê Kinh tế - xã hội nước ta ba tháng đầu năm 2020 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm. Trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực năm 2019, kinh tế vĩ mô ổn định. Dự báo tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực do nhiều yếu tố thuận lợi cho tăng trưởng.
- Trong năm 2020, Chính phủ ban hành những chính sách định hướng về những nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và tạo môi trường kinh doanh lành mạnh.
- Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động giám định dự báo sẽ được Nhà nước hoàn thiện tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cạnh tranh công bằng.

#### **2. Khó khăn**

- Thị trường bão hòa đang là một thách thức lớn đối với việc xây dựng thương hiệu. Đồng thời các đối thủ mới không chỉ tạo sức ép về giá, thị trường có nhiều thương hiệu hơn, điều đó có nghĩa là việc tìm được chỗ đứng cho thương hiệu trở nên khó khăn hơn.
- Khó khăn về tài chính dẫn đến thiếu nguồn nhân lực chuyên môn về công tác nghiên cứu thị trường, tiếp thị quảng bá cho thương hiệu Công ty.

- Với phạm vi hoạt động trải dài từ Bắc vào Nam, cơ sở vật chất chưa hoàn thiện dẫn đến chi phí lớn liên quan việc thuê mướn nhân sự, máy móc thiết bị phục vụ công việc và các chi phí quản lý khác.
- Chính sách kiểm soát và thắt chặt chi phí của khách hàng buộc WSC phải nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm giá thành gây khó khăn đối với tình hình SXKD.
- Các chính sách, quy định của Pháp luật đối với lĩnh vực giám định đặc biệt là lĩnh vực giám định hỗ trợ (giám định tổn thất phục vụ bảo hiểm) vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tiềm ẩn nhiều bất cập.

## II. Nhiệm vụ trọng tâm

Căn cứ dự báo về bối cảnh năm 2020, các kết quả đã đạt được trong năm 2019 và các mục tiêu trung hạn của Công ty. Nhằm đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu duy trì đà tăng trưởng, từng bước nâng cao hiệu quả SXKD của WSC để tạo tiền đề đột phá trong những năm kế tiếp, Ban điều hành WSC đã xây dựng nhiệm vụ trọng tâm của WSC trong năm 2019 như sau:

- Xây dựng thương hiệu WSC ngày càng vững mạnh, nâng cao uy tín, chất lượng và khả năng cung cấp được các dịch vụ cho các đơn vị trong và ngoài ngành giám định;
- Kiện toàn hệ thống quy chế, quy định nội bộ và quy trình nghiệp vụ để áp dụng thống nhất trong Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình thực tế của Công ty;
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị nội bộ và quản lý dịch vụ;
- Tiếp tục hoàn thành việc đăng ký với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được gia hạn giấy phép hoạt động cho các lĩnh vực SXKD hiện tại của Công ty, đồng thời mở rộng các dịch vụ giám định mới như: giám định phế liệu kim loại màu, giám định thức ăn chăn nuôi...;
- Nâng cao trình độ, khả năng nghiệp vụ chuyên môn của đội ngũ cán bộ nhân viên, chú trọng xây dựng đội ngũ nhân viên có năng lực, tay nghề cao tiến đến nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp;
- Tập trung đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu nhằm phát triển thị trường. Đặc biệt quan tâm công tác tiếp thị đối với những lĩnh vực có thế mạnh. Tiếp tục hợp tác với các đối tác/ khách hàng để phát triển năng lực cạnh tranh của Công ty;
- Đầu tư xây dựng thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị để tăng tính chủ động và giảm chi phí thuê ngoài, nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Đảm bảo và phấn đấu ngày càng nâng cao đời sống của người lao động;
- Thực hiện thành công các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.

## III. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020:

### 1. Chỉ tiêu về tài chính:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính</b>		
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	1.800
3	Doanh thu	Triệu đồng	28.500
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	500
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	395
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	%	21,9

## 2. Các chỉ tiêu đầu tư:

- Để đảm bảo các hoạt động thường xuyên của Công ty, bên cạnh việc sử dụng các dịch vụ cho thuê thiết bị của các đối tác, Công ty WSC dự kiến thực hiện mua sắm các trang thiết bị trong năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu đầu tư	Đơn vị	Kế hoạch 2020
1.	Máy móc – thiết bị	Triệu đồng	150
2.	Công cụ dụng cụ	Triệu đồng	100
3.	Thiết bị văn phòng	Triệu đồng	250
<b>Tổng cộng</b>		<b>Triệu đồng</b>	<b>500</b>

## 3. Các chỉ tiêu về nhân sự:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Kế hoạch năm 2020
<b>1</b>	<b>Lao động và thu nhập</b>			
	- Số lao động cuối kỳ	Người	71	75
	- Số lao động bình quân trong kỳ	Người	71	75
	- Thu nhập bình quân	Tr/ng/thg	7,3	8,3
<b>2</b>	<b>Thực hiện đào tạo</b>	Lượt người	83	85
<b>3</b>	<b>Kinh phí thực hiện đào tạo</b>	Triệu đồng	100	100

## 4. Giải pháp

Nhằm thực hiện thành công các mục tiêu kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm của WSC trong năm 2020 như đã đề ra, Ban điều hành đã xây dựng các giải pháp thực hiện như sau:

- Xây dựng và triển khai tích cực kế hoạch chăm sóc khách hàng để tiếp nhận những phản hồi từ phía khách hàng nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ. Công ty sẽ theo dõi, bám sát kế hoạch sử dụng dịch vụ về giám định của khách hàng để có phương án tiếp thị kịp thời và phù hợp. Thực hiện tốt công tác phát triển thị trường.

- Chú trọng xây dựng chính sách cung cấp dịch vụ linh hoạt, kịp thời, giá cả phù hợp nhằm tăng sức cạnh tranh với các đối thủ khác.
- Tìm kiếm các nhà đầu tư/ đối tác có năng lực về kỹ thuật cũng như tài chính để thực hiện liên danh, liên kết và/hoặc mời tham gia trở thành cổ đông chiến lược của Công ty để nhanh chóng nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.
- Xây dựng cơ chế lương, thưởng theo hiệu quả SXKD theo nguyên tắc trách nhiệm đi đôi với quyền lợi để khuyến khích người lao động cũng như thu hút, giữ chân nguồn lao động có trình độ chuyên môn cao. Kết hợp với công tác tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có chất lượng cao để nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Thường xuyên rà soát, đánh giá nguồn nhân lực để có kế hoạch tuyển dụng phù hợp. Điều chuyển hợp lý nguồn nhân lực hỗ trợ giữa các đơn vị trong Công ty với định hướng tinh gọn và chuyên nghiệp.
- Thực hiện tốt công tác quản trị dòng tiền tăng khả năng xoay vòng vốn, đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện SXKD tiến tới giảm phụ thuộc vào vốn vay nhằm nâng cao tính chủ động và giảm áp lực lãi vay trong bối cảnh WSC có nguồn vốn điều lệ thấp so với các đơn vị cùng lĩnh vực.

Trân trọng kính trình.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông WSC;
- HĐQT WSC (để b/c);
- KSV WSC (để b/c);
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**



**LIU THỊ LAN**

Số: 07/BC-WSC-HĐQT-2020

TP. HCM, ngày 27 tháng 03 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020**

#### **PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019**

##### **I. Bối cảnh thực hiện nhiệm vụ năm 2019**

##### **1. Tình hình kinh tế**

- Năm 2019, Việt Nam tăng trưởng kinh tế đạt khá cao, năng suất lao động và chất lượng tăng trưởng tiếp tục cải thiện, kinh tế vĩ mô ổn định vững chắc hơn. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá của cả nước đạt 517,26 tỷ USD, tăng (trung ứng tăng 36,69 tỷ USD) so với năm 2018. Trong đó trị giá hàng hóa xuất khẩu đạt 264,19 tỷ USD, tăng 8,4% và nhập khẩu đạt 253,07 tỷ USD, tăng 6,8%.
- Sự trao đổi thương mại hàng hoá của Việt Nam với châu Mỹ đạt 96,35 tỷ USD, tăng 23% so với năm 2018. Đồng thời, xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam với Châu Á tiếp tục chiếm tỷ trọng cao nhất (65,4%) trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước. Các mặt hàng xuất khẩu và nhập khẩu chính: máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng; hoá chất và sản phẩm từ hoá chất; xăng dầu các loại; sắt thép các loại,... giá trị tăng trưởng hơn so với năm 2018.
- Tình hình WSC trong năm 2019 đã đạt được mức chỉ tiêu đặt ra, tập trung phát triển hai lĩnh vực giám định hàng hoá và giám định máy móc thiết bị tạo nguồn doanh thu tăng so với năm 2018 và mở rộng phát triển hơn về giám định xăng dầu, LPG,... Chính vì thế, WSC đã đạt được mức kỳ vọng vượt trội nhờ sự tăng trưởng về tình hình kinh tế trong nước và vốn đầu tư nước ngoài lớn tại Việt Nam.

##### **2. Tình hình hoạt động chung của Công ty**

- Với nhiều thách thức của nền kinh tế, thay đổi chính sách của các cơ quan Quản lý Nhà nước siết chặt đối với một số mặt hàng/lĩnh vực giám định/chứng nhận, sự cạnh tranh của các tổ chức giám định đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của WSC. Áp lực về giảm giá dịch vụ đến từ cả phía khách hàng lẫn các đối thủ mới tham gia thị trường cạnh tranh bằng chiến lược giá thành thấp (vì thực hiện các dịch vụ có chất lượng không đảm bảo) khiến cho WSC gặp nhiều khó khăn trong mục tiêu tăng trưởng thị phần. Những tác động đó đã ảnh hưởng đến các loại hình dịch vụ cũ của WSC.
- Bên cạnh đó, các Quyết định/Nghị định mới, sửa đổi bổ sung trong lĩnh vực giám định MMTB (Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg); giám định hàng hoá (Quyết định số 40/2019/QĐ-CP) được Chính phủ ban hành theo hướng ngày càng siết chặt tiêu chuẩn, các biểu mẫu áp dụng và yêu cầu về năng lực đối với các thương nhân giám định phải



thực hiện theo quy định mới, gây ảnh hưởng trong việc hoàn thành các kế hoạch đã xây dựng.

- Trong năm 2019, HĐQT với vai trò trách nhiệm là đại diện ĐHĐCĐ trong công tác quản lý hoạt động SXKD của Công ty WSC, đã toàn tâm tập trung chỉ đạo xử lý kịp thời thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo duy trì hoạt động SXKD và đối với những mục tiêu kế hoạch SXKD của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể là:

- Tiếp tục phát triển dịch vụ giám định MMTB và giám định hàng hoá là hai lĩnh vực WSC tập trung duy trì đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh. Đạt được tỷ lệ tăng trưởng về doanh thu là 214,9% và tăng trưởng lợi nhuận trước thuế đạt 246 % so với năm 2019.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được đảm bảo hoạt động liên tục, đạt hiệu quả và tuân thủ theo quy định pháp luật.
- Thành lập mới VPĐD tại Hải Phòng, mở rộng mạng lưới dịch vụ trên toàn lãnh thổ Việt Nam phát triển dịch vụ và nâng cao thương hiệu của WSC. Đến nay, thống kê WSC đã có 01 Trụ sở chính và 01 Văn phòng Giao dịch tại TP.HCM, 03 Văn phòng Đại diện (Hà Tĩnh, Quy Nhơn, Hải Phòng), 01 Chi nhánh – Vũng Tàu.
- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn và tích cực công tác thu hồi công nợ nhằm giảm thiểu rủi ro và thực hiện tốt việc tiết giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.
- Tình hình tài chính của WSC tiếp tục được duy trì ổn định, lành mạnh.
- Hệ thống quản lý luôn được cập nhật, cải tiến đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và chuyên ngành.
- Thường xuyên bổ sung và nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ giám định viên. Thực hiện tốt các công tác chăm lo đời sống cho người lao động.

## II. Đánh giá các hoạt động của HĐQT trong năm 2019

### 1. Cơ cấu Hội đồng quản trị:

HĐQT gồm 3 thành viên, trong đó:

#### 1. Bà Lưu Thị Lan - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Phụ trách công việc:

- Quản lý chiến lược SXKD Công ty;
- Đổi mới Doanh nghiệp;
- Quản lý đầu tư và phát triển;
- Tổ chức nhân sự;
- Tìm kiếm, phát triển thị trường thúc đẩy công tác cung cấp các dịch vụ của Công ty;
- Chỉ đạo giám sát Ban Giám đốc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Quản lý công nợ;

- Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên HĐQT.
2. Bà Lưu Thị Huệ - Thành viên HĐQT kiêm phụ trách kế toán
- Phụ trách công việc:
- Công tác quản trị nhân sự;
  - Quản lý tài sản;
  - Công tác tài chính và kế toán.
3. Ông Phạm Thanh Hải - Thành viên HĐQT kiêm Phụ trách Kinh doanh
- Phụ trách công việc:
- Công tác tiếp thị, đối ngoại, tìm kiếm đối tác kinh doanh.
  - Duy trì và phát triển mối quan hệ với khách hàng mở rộng phát triển thị trường.
2. Các hoạt động chính của HĐQT trong năm 2019:
- HĐQT đã chủ động, tích cực cùng với Ban điều hành Công ty nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Kịp thời chỉ đạo Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT nhằm từng bước tháo gỡ những khó khăn của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể:
    - Trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo cải tiến lại hệ thống quản lý, trong đó Công ty vẫn thực hiện chức năng quản trị, điều phối hỗ trợ các đơn vị, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ xử lý kịp thời đáp ứng yêu cầu dịch vụ quản lý Nhà nước, cung cấp các dịch vụ giám định về MMTB, Hàng hoá, Xăng dầu... Tập trung tuyển dụng và đào tạo nội bộ các nhân sự nhằm nâng cao tay nghề đồng thời củng cố năng lực cũng như giảm bớt việc thuê dịch vụ ở ngoài. Các đơn vị trực thuộc cũng được định hướng thực hiện các ngành dịch vụ kinh doanh cốt lõi của Công ty trên địa bàn được phân công, triệt để xử lý hiện tượng cạnh tranh nội bộ trong Công ty.
    - Trong năm 2019, HĐQT với mục tiêu luôn bám sát tình hình diễn biến thực tế của thị trường để có các quyết định kịp thời thể hiện sự sâu sát trong công tác giám sát các hoạt động của Ban điều hành. Đồng thời, với sự chỉ đạo của HĐQT, các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 cơ bản đã hoàn thành, các biện pháp nhằm phát triển các dịch vụ của Công ty, cơ cấu sản xuất được thực hiện nghiêm túc và khẩn trương.
  - Trong năm 2019, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp với tinh thần ý thức trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng, phát huy năng lực của từng thành viên HĐQT, vì lợi ích của các Cổ đông và sự phát triển của Công ty.
  - Tình hình Công ty có sự thay đổi lớn về các cổ đông nhưng HĐQT vẫn nỗ lực cùng Ban điều hành Công ty thực hiện các nhiệm vụ SXKD, không phát sinh hiện tượng gián đoạn trong hoạt động của WSC.

- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt việc tiết giảm chi phí quản lý trên cơ sở sắp xếp hợp lý các trang thiết bị làm việc của CBCNV nhằm đảm bảo khai thác tối đa năng lực và nguồn lực hiện có đảm bảo chất lượng dịch vụ và có cạnh tranh về giá.
- Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đều tập trung mục tiêu bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty, có sự thống nhất, chấp thuận cao của các thành viên HĐQT trong việc xem xét và giải quyết các vấn đề thuộc trách nhiệm của HĐQT.

Đánh giá chung, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, giám sát các hoạt động của Giám đốc và bộ máy điều hành, đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, quy chế nội bộ của Công ty và các quy định của pháp luật.

## **PHẦN II: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020**

Trong năm 2020, các dự báo về những nhân tố ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động sản xuất kinh tế vẫn diễn biến phức tạp, cơ hội và thách thức đan xen, đó là những cơ hội đến từ các nhà đầu tư nước ngoài. Đặc biệt, với tình hình diễn biến dịch bệnh Covid-19 tại Trung Quốc, lan rộng trên toàn thế giới, Việt Nam đang có quan hệ kinh tế rất nhiều mặt, đặc biệt là thương mại, về nhập khẩu từ Trung Quốc, nguy cơ đóng cửa giao thương biên giới Việt – Trung sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động xuất nhập khẩu Việt Nam nói chung và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của các Doanh nghiệp có liên quan đến khách hàng Trung Quốc nói riêng. Dự báo dự kiến khoảng tháng 05 tình hình dịch bệnh được kiểm soát và nền Kinh tế các nước sẽ phục hồi trở lại.

Tình hình giao thương giữa các nước mở cửa trở lại, các cảng tàu tại Formosa Hà Tĩnh và Hyosung tốc độ phục hồi nhanh, WSC dự kiến sẽ đạt được chỉ tiêu đặt ra và tăng trưởng tập trung trong nửa cuối năm 2020. Để thực hiện thành công các mục tiêu tài chính trong năm 2020, HĐQT xác định một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung như sau:

- Thực hiện quyền và trách nhiệm của HĐQT được quy định tại Điều lệ, đảm bảo thực hiện mục tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Tiếp tục phối hợp cùng Ban điều hành chỉ đạo và giám sát, kiểm tra công tác thu hồi công nợ, tránh tổn thất vốn do các khoản nợ gây ra, đảm bảo tình hình tài chính của Công ty luôn ổn định để phục vụ việc SXKD.
- Chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành thực hiện các giải pháp về thị trường với mục tiêu tiếp tục giữ vững thị phần các mặt hàng truyền thống, tập trung nguồn lực khai thác các dịch vụ kỹ thuật mới, kỹ thuật cao đặc biệt là dịch vụ giám định máy móc thiết bị, phế liệu, xăng dầu, LPG... để bù đắp cho những lĩnh vực ngày càng có xu hướng giảm hoặc bị mất do các thay đổi về quy định của Pháp luật.
- Giám sát chỉ đạo công tác chuẩn hoá bộ quy trình hướng dẫn thực hiện công việc, tiếp tục triển khai áp dụng công nghệ thông tin vào quản trị trong công tác chuyên môn.
- Tăng cường tuyên dụng nhân sự cấp cao phù hợp đáp ứng yêu cầu của các cơ quan Quản lý Nhà nước và sự phát triển bền vững của Công ty.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty nhằm phát huy tối đa hiệu quả vốn đầu tư của các cổ đông đảm bảo độ an toàn về mặt tài chính, minh bạch các hoạt động theo đúng quy định.



Số: 01 /BC-WSC-KSV-2020

TP. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM SOÁT VIÊN NĂM 2019  
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol**

- Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Kiểm soát viên (KSV) được quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol (WSC) được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 09/07/2018;

Kiểm soát viên kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol về kết quả hoạt động trong năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Kiểm soát viên WSC như sau:

**PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019**

**I. Giám sát hoạt động quản lý và điều hành của HĐQT, BGD:**

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của Công ty trong việc quản lý và điều hành công ty.
- Tham gia thảo luận và có ý kiến đóng góp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc công ty nhằm mục đích đảm bảo các hoạt động của Công ty được thực hiện phù hợp theo Pháp luật và đảm bảo quyền lợi cao nhất của cổ đông.
- Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban của Ban Giám Đốc Công ty (với tư cách khách mời).

Qua công tác giám sát, KSV nhận thấy các quyết định của HĐQT và BGD công ty đưa ra trong năm 2019 trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh đều đảm bảo tuân thủ Pháp luật và quy định nội bộ của Công ty. Trong năm 2019, Kiểm soát viên không phát hiện hành vi vi phạm pháp luật của HĐQT, Ban Giám Đốc WSC.

Trong năm 2019, KSV không nhận được khiếu nại của cổ đông về HĐQT, BGD công ty, kiểm soát viên trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

**II. Thực hiện xem xét Báo cáo tài chính năm 2019:**

- Kiểm soát viên phối hợp cùng đơn vị kiểm toán - Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Thăng Long thực hiện xem xét Báo cáo tài chính năm 2019. Đây là đơn vị kiểm toán trong danh sách các đơn vị kiểm toán được ĐHCĐ thường niên 2018 chấp thuận. Quy trình kiểm toán đã tuân thủ các trình tự và các quy định về kiểm toán doanh nghiệp.
- Kết quả đánh giá về tình hình tài chính của WSC bao gồm các ý chính như sau:

**1. Kết quả kinh doanh**



ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	Tỷ lệ
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
1	Doanh thu	8.672.096.676	27.304.510.583	314,9%
2	Lợi nhuận trước thuế	139.017.830	480.955.095	346%
3	Lợi nhuận sau thuế	111.214.264	384.764.076	346%
4	Nộp NSNN	214.085.148	174.301.555	81,4%

## 2. Về Tài sản, Nguồn vốn (thời điểm 31/12/2019):

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
1	Tổng tài sản	3.448.572.684	6.791.070.636
	Trong đó:		
	- Tài sản ngắn hạn	2.374.229.858	6.053.752.698
	Trong đó <i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	1.449.740.133	1.662.509.931
	<i>Tiền mặt</i>	735.646.639	3.592.120.491
	- Tài sản dài hạn	1.074.342.826	737.317.938
2	Tổng nguồn vốn	3.448.572.684	6.791.070.636
	Trong đó:		
	- Nợ phải trả	1.525.246.902	4.581.641.404
	- Nợ ngắn hạn	1.525.246.902	4.581.641.404
	Trong đó		
	<i>Phải trả người bán</i>	1.193.912.018	4.383.923.820
	<i>Vay ngân hàng</i>	175.000.009	75.000.013
	- Vốn chủ sở hữu	1.923.325.782	2.209.429.232
	Trong đó <i>Vốn góp chủ sở hữu</i>	1.800.000.000	1.800.000.000

## 3. Chỉ số đánh giá cơ bản:

TT	Chỉ số	ĐVT	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019
1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	1,3%	1,4%
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	3,2%	5,7%
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	5,8%	17,4%
4	Cơ cấu tài sản	%	100%	100%

2

TT	Chỉ số	ĐVT	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		68,8%	89,1%
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		31,2%	10,9%
5	Cơ cấu Nguồn vốn		100%	100%
	- Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn	%	44,2%	67,5%
	- Vốn chủ/Tổng Nguồn vốn		55,8%	32,5%
6	Tỷ suất Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	Lần	0,79 lần	2,1 lần
7	Hệ số bảo toàn vốn (Vốn CSH kỳ này/Vốn CSH kỳ trước)	Lần	0,96 lần	1,15 lần

#### 4. Đánh giá:

- Nhìn chung, các chỉ số đánh giá về tài chính chủ yếu trong năm 2019 đều có sự tăng trưởng so với năm 2018. Đặc biệt là các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đều có sự tăng trưởng vượt bậc (doanh thu tăng 214,9% và LNST tăng 246%).
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu tăng 200% so với thực hiện năm 2018 (từ 5,8% lên 17,4%).
- Cơ cấu Tài sản và Nguồn vốn ổn định so với năm 2018.
- Hệ số bảo toàn vốn: Vốn chủ sở hữu kỳ này so với kỳ trước tăng 1,15 lần điều này cho thấy việc quản lý sử dụng và bảo toàn vốn của Công ty được đánh giá ở mức an toàn.

#### 5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa KSV với HĐQT, Giám đốc và cổ đông:

- HĐQT, BGĐ luôn tạo điều kiện thuận lợi để KSV thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập, khách quan trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

### PHẦN II: KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2020 CỦA KSV

Trong năm 2020, KSV tiếp tục thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, tập trung giám sát, kiểm tra các công việc chủ yếu sau:

- Giám sát tình hình thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
- Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty; tình hình hoạt động và điều hành của HĐQT, BGĐ.
- Giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020.

Trên đây là Báo cáo của kiểm soát viên về hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động 2020. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.

#### Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông WSC;
- Lưu: VT, KSV

KIỂM SOÁT VIÊN

*[Signature]*  
Lân Ngọc Cẩm Tiên

Số: 08/TTr-WSC-HĐQT-2020

TP. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2020

## **TỜ TRÌNH**

**V/v thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol**

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**

**Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 09/07/2018.

Hội đồng quản trị Công ty WSC kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty WSC như nội dung đính kèm.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- KSV (để b/c);
- Lưu VT, HĐQT.

**Đính kèm:**

Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty WSC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**LIU THI LAN**

## MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
1.	<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	1 - 2
2.	<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	3 - 4
3.	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
	- Bảng cân đối kế toán	5 - 8
	- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
	- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
	- Thuyết minh các báo cáo tài chính	12 - 21



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty CP Giám Định Worldcontrol trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2019 kết thúc ngày 31/12/2019.

### **1- Khái quát về Công ty**

Công ty CP Giám Định Worldcontrol (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0308990102 đăng ký lần đầu ngày 10/06/2009 và thay đổi lần 10 ngày 28/01/2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0308990102 ngày 10/06/2009, lĩnh vực hoạt động của Công ty là: Dịch vụ giám định thương mại. Tư vấn về chuyển giao công nghệ.

Trụ sở chính của Công ty: 144/16 Võ Duy Ninh, P22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 1.800.000.000 đồng

#### **1/ CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL**

Địa chỉ: 3/19 Nguyễn Thị Định - Phường 9 - Thành Phố Vũng Tàu - Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mã số chi nhánh: 0308990102-002 - 04/11/2014

Người đại diện pháp luật: Lưu Thị Lan

#### **2/ CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HÀ TĨNH**

Địa chỉ: Tổ dân phố Lê Lợi - Phường Kỳ Liên - Thị xã Kỳ Anh - Hà Tĩnh.

Mã số VPĐD: 0308990102-003 - 12/04/2016

Người đại diện pháp luật: Lưu Thị Lan

#### **3/ CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI QUY NHƠN**

Địa chỉ: Số 29 đường Lưu Hữu Phước - Phường Hải Cảng - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định.

Mã số VPĐD: 0308990102-004 - 09/02/2018

Người đại diện pháp luật: Lưu Thị Lan

#### **4/ CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 441 đường Đà Nẵng - Phường Đông Hải 1 - Quận Hải An - Hải Phòng.

Mã số VPĐD: 0308990102-005 - 06/04/2019

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Hoàng Dương

#### **5/ CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Lô C12 -29 KDC Nam Cầu Cẩm Lệ - Phường Hoà Xuân - Quận Cẩm Lệ - Đà Nẵng.

Mã số VPĐD: 0308990102-006 - 09/03/2020

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Văn Trung

#### **6/ Địa điểm kinh doanh: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL**

Địa chỉ: 45 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính đã bao gồm số liệu của các Chi nhánh, Văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh trên.

### **2- Thông tin về tài khoản ngân hàng:**

- Tài khoản VND số:	060119551687	Tại Sacombank CN Bình Thạnh
- Tài khoản VND số:	0531002495053	Tại Vietcombank CN Gia Định
- Tài khoản VND số:	112000112376	Tại Vietinbank CN 4 Tp.HCM
- Tài khoản USD số:	914042483600001	Tại ngân hàng Nam Á CN Trường Chinh

### **3- Các sự kiện trong năm tài chính, các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính:**

Không có







# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K CHI NHÁNH MIỀN NAM

THANG LONG – T.D.K AUDITING & VALUATION CO.,LTD (SOUTHERN BRANCH)

Office: C14. Quang Trung, P.11, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84.28) 3589 7462/ 63 - (84.28) 2216 4309

Fax: (84.28) 3589 7464

Email: [kiemtoantdk@gmail.com](mailto:kiemtoantdk@gmail.com)

Website: [www.kiemtoanthanglongtdk.com.vn](http://www.kiemtoanthanglongtdk.com.vn)

Số: 02920/TDK-KT

Ngày 09 tháng 04 năm 2020

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2019 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
của Công ty CP Giám Định Worldcontrol

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty CP Giám Định Worldcontrol**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty CP Giám Định Worldcontrol (sau đây gọi tắt là Công ty) được trình bày từ trang 5 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



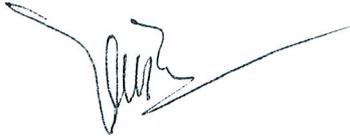
Trụ sở chính	: Sân KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT CAHN, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.	Tel: 024.4450 0668 Fax: 024.4450 0669
Chi nhánh Miền Nam	: C14, Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Tel: 028.3589 7462 Fax: 028.35897464
Chi nhánh Đồng Nai	: E180 Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai	Tel: 0251.3918 769 Fax: 0251.3918 767
Chi nhánh Đà Nẵng	: Số 42 Trần Tống, Phường Thạch Giản, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	Tel: 0236.365 1818 Fax: 236 365 1868
Chi nhánh Hà Nội	: Số 97, Ngõ 141, Phố Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội	Tel: 024.3540.9439 Fax: 024.3540 9439
Chi nhánh Lạng Sơn	: Số 319 Bà Triệu, Phường Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn	Tel: 0205.3718 545 Fax: 0205.3716 264

## Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty CP Giám Định Worldcontrol tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

- Số dư đầu kỳ trên báo cáo tài chính chúng tôi lấy theo số liệu đơn vị cung cấp chưa được kiểm toán.
- Báo cáo kiểm toán này phát hành điều chỉnh để thay thế cho báo cáo kiểm toán được phát hành vào ngày 27/03/2020.



**NGUYỄN MINH VŨ**

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 4144-2017-045-1



**NGUYỄN VŨ HƯNG THỊNH**

Phó Giám đốc Chi nhánh Miền Nam

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2826-2020-045-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm Toán & Định Giá Thăng Long - TDK



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>6.053.752.698</b>	<b>2.374.229.858</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.592.120.491</b>	<b>735.646.639</b>
1. Tiền	111	V.1	3.592.120.491	735.646.639
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.784.924.902</b>	<b>1.449.740.133</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.662.509.931	1.449.740.133
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	67.869.516	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	54.545.455	-
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>459.093.156</b>	<b>19.447.000</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	459.093.156	19.447.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>217.614.149</b>	<b>169.396.086</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	217.614.149	169.396.086
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
1	2	3	4	5
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>737.317.938</b>	<b>1.074.342.826</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>737.317.938</b>	<b>1.074.342.826</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	737.317.938	1.074.342.826
- Nguyên giá	222		2.551.636.364	2.518.418.182
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.814.318.426)	(1.444.075.356)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>6.791.070.636</b>	<b>3.448.572.684</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
1	2	3	4	5
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.581.641.404</b>	<b>1.525.246.902</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.506.641.391</b>	<b>1.350.246.893</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	4.383.923.820	1.193.912.018
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	174.301.555	214.085.148
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(51.583.984)	(57.750.273)
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>75.000.013</b>	<b>175.000.009</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.8	75.000.013	175.000.009
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
1	2	3	4	5
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.209.429.232</b>	<b>1.923.325.782</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.11	<b>2.209.429.232</b>	<b>1.923.325.782</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.800.000.000	1.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.800.000.000	1.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.332.578	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		12.332.578	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		384.764.076	123.325.782
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		123.325.782	12.111.518
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		261.438.294	111.214.264
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>6.791.070.636</b>	<b>3.448.572.684</b>

Kế Toán Trưởng

*Lê Thị Hồng Nga*

Ngày 09 tháng 04 năm 2020



LƯU THỊ LAN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1	2	3	4	5
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	VI.1	<b>27.304.510.583</b>	<b>8.672.096.676</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>27.304.510.583</b>	<b>8.672.096.676</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	21.993.115.498	4.433.308.288
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>5.311.395.085</b>	<b>4.238.788.388</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	681.756	623.943
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.294.869	23.012.004
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.294.869	23.012.004
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7.2	578.641.488	1.218.898.513
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.7.1	4.239.810.784	2.874.624.134
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>481.329.700</b>	<b>122.877.680</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.5	6	16.143.450
12. Chi phí khác	32	VI.6	374.611	3.300
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(374.605)</b>	<b>16.140.150</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>480.955.095</b>	<b>139.017.830</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	96.191.019	27.803.566
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>384.764.076</b>	<b>111.214.264</b>

Ghi chú: Năm 2018 - 2019, công ty chưa kiểm tra quyết toán thuế

Kế Toán Trưởng

  
Lê Thị Hồng Nga

Ngày 09 tháng 04 năm 2020

Giám Đốc  
  
LƯU THỊ LAN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		29.282.004.221	8.813.676.796
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(20.227.975.527)	(4.799.572.894)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.927.809.106)	(2.409.294.153)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(24.001.678)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		591.828.103	318.229.966
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.762.255.599)	(1.403.071.984)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2.955.792.092</b>	<b>495.966.053</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			16.143.050
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		681.756	623.943
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>681.756</b>	<b>16.766.993</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.200.000.000	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.299.999.996)	(101.068.943)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(99.999.996)</b>	<b>(101.068.943)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1	2	3	4	5
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2.856.473.852	411.664.103
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		735.646.639	323.982.536
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		3.592.120.491	735.646.639

Ngày 09 tháng 04 năm 2020

Kế Toán Trưởng



*Lê Thị Hằng Nga*

Giám Đốc



LÊ THỊ LAN

201-C  
M  
NH  
DINH  
ONG  
S CH

**CÔNG TY CP GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN  
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2019 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Giám Định Worldcontrol (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0308990102 đăng ký lần đầu ngày 10/06/2009 và thay đổi lần 10 ngày 28/01/2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 1.800.000.000 đồng

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Dịch vụ

**3. Ngành nghề kinh doanh**

7490 (Chính)	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Dịch vụ giám định thương mại. Tư vấn về chuyển giao công nghệ
8129	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác chi tiết: Dịch vụ trừ mối, côn trùng (trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng)
7020	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)
6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý)
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chi tiết: Giao nhận hàng hóa. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan. Môi giới thuê tàu biển, máy bay (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không)
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá chi tiết: Đại lý. Môi giới
7320	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, định giá bất động sản (trừ tư vấn mang tính pháp lý)
7310	Quảng cáo
8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ)
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xi mạ điện tại trụ sở)
3314	Sửa chữa thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xi mạ điện tại trụ sở)
3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xi mạ điện tại trụ sở)
3319	Sửa chữa thiết bị khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xi mạ điện tại trụ sở)
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xi mạ điện tại trụ sở)
4311	Phá dỡ
4312	Chuẩn bị mặt bằng
4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xi mạ điện tại trụ sở)
7710	Cho thuê xe có động cơ
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, thiết bị văn phòng
7740	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính, chi tiết: Cho thuê thương hiệu
7810	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm chi tiết: Hoạt động của đại lý, tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động việc làm (trừ cho thuê lại lao động)
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng-công nghiệp; Hoạt động đo đạc bản
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp và hóa chất có tính độc hại mạnh) (không tồn trữ hóa chất)
7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật

**CÔNG TY CP GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN  
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2019 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Không có

**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Trụ sở chính của Công ty: 144/16 Võ Duy Ninh, P22, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM, Việt Nam.

**1/ CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL**

Địa chỉ: 3/19 Nguyễn Thị Định - Phường 9 - Thành Phố Vũng Tàu - Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mã số chi nhánh: 0308990102-002 - 04/11/2014

Người đại diện pháp luật: Lưu Thị Lan

**2/ CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HÀ TĨNH**

Địa chỉ: Nhà ông Đàm Văn Dương, tổ dân phố Lê Lợi - Phường Kỳ Liên - Thị xã Kỳ Anh - Hà Tĩnh.

Mã số VPĐD: 0308990102-003 - 12/04/2016

Người đại diện pháp luật: Lưu Thị Lan

**3/ CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI QUY NHƠN**

Địa chỉ: Số 29 đường Lưu Hữu Phước - Phường Hải Cảng - Thành phố Quy Nhơn - Bình Định.

Mã số VPĐD: 0308990102-004 - 09/02/2018

Người đại diện pháp luật: Lưu Thị Lan

**4/ CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 441 đường Đà Nẵng - Phường Đông Hải 1 - Quận Hải An - Hải Phòng.

Mã số VPĐD: 0308990102-005 - 06/04/2019

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Hoàng Dương

**5/ CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL - VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI ĐÀ NẴNG**

Địa chỉ: Lô C12 -29 KDC Nam Cầu Cẩm Lệ - Phường Hoà Xuân - Quận Cẩm Lệ - Đà Nẵng.

Mã số VPĐD: 0308990102-006 - 09/03/2020

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Văn Trung

**6/ Địa điểm kinh doanh: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL**

Địa chỉ: 45 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính đã bao gồm số liệu của các Chi nhánh, Văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh trên.

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính có thể so sánh được theo quy định của Luật kế toán hiện hành.

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm 2019 bắt đầu từ ngày 01/01/2019 kết thúc vào ngày 31/12/2019.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.



**CÔNG TY CP GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN  
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2019 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**2.1. Nguyên tắc đánh giá Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

**2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

**2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

**Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Tài sản dài hạn.

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

**4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

779  
CHI  
MIẾ  
CÔNG  
MTOA  
HÀN  
T  
P. - T.

**CÔNG TY CP GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN  
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2019 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

- |                                   |           |
|-----------------------------------|-----------|
| - Máy móc, thiết bị               | 03 năm    |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06-08 năm |

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

**Chi phí trả trước**

**Chi phí trả trước ngắn hạn:** Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**Chi phí trả trước dài hạn:** Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
- Chi phí khác

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 1 đến 2 năm.

**6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập Báo cáo tài chính, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ dài hạn.

**7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu** được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**Vốn khác của chủ sở hữu** được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được biếu, tặng này và các khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối** là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**8. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về Đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn tài sản tại doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**9.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành

0.  
3-007, T  
ÁNH  
HÀM  
Y TNHH  
ĐỊNH  
LON  
K  
HỒ C

**CÔNG TY CP GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN  
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2019 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

## **9.2. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

## **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

### **10.1. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **10.2. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

## **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.**

### **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

## **12. Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác áp dụng theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau theo từng thời kỳ có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

## **13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

10/ Y N H IR

**CÔNG TY CP GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN  
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2019 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO KỶ KẾ TOÁN KẾT THÚC VÀO NGÀY 31/12/2019**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
- Tiền mặt bằng đồng Việt Nam	3.284.293.150	422.409.353
- Tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam	307.827.341	310.275.502
- Tiền gửi ngân hàng bằng đồng Ngoại tệ	-	2.961.784
<b>- Cộng</b>	<b>3.592.120.491</b>	<b>735.646.639</b>

**Chi tiết tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam**

Tài khoản VND số 060119551687 tại Sacombank CN Bình Thạnh 11.186.018

Tài khoản VND số 0531002495053 tại Vietcombank CN Gia Định 8.522.594

Tài khoản VND số 112000112376 tại Vietinbank CN 4 Tp.HCM 287.205.393

Tài khoản VND số 914042483600001 tại NH Nam Á CN Trường Chinh 913.336

**Cộng** **307.827.341**

**2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
- Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	571.140.431	155.375.012
- Công ty CP TM Và DV Dầu Khí Vũng Tàu	-	54.230.000
- Công ty TNHH TM ĐT Hưng Phát Đạt	133.320.000	173.250.000
- Công ty TNHH Xưởng Giấy Chánh Dương	315.500.000	112.200.000
- Công ty CP Xi Măng Sông Lam	-	88.602.421
- Công ty TNHH Nhà Máy Bia Heineken Việt Nam - Vũng Tàu	-	546.853.756
- Công ty Nhiệt Điện Vĩnh Tân	-	158.070.944
- Công ty TNHH Cheng Long Bình Dương Paper	70.650.000	-
- Công ty CP Đông Hải Bến Tre	66.379.500	-
- Công ty CP Giấy Minh Hưng	80.200.000	26.750.000
- Cục Điều Tra Chống Buôn Lậu	74.800.000	-
- Công ty TNHH An Phú Mỹ	173.800.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	176.720.000	134.408.000
<b>- Cộng</b>	<b>1.662.509.931</b>	<b>1.449.740.133</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
- Công ty CP TT Và Dữ Liệu Quốc Tế	20.408.516	-
- TT KT Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng 3	4.000.000	-
- Công ty TNHH Nhị Hồ	43.461.000	-
<b>- Cộng</b>	<b>67.869.516</b>	<b>-</b>

**4. Các khoản phải thu khác ngắn hạn**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
- Tham gia hỗ trợ nạn nhân chất độc da cam	45.454.546	-
- Tài trợ công trình Vàng trắng cổ tích	9.090.909	-
<b>- Cộng</b>	<b>54.545.455</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CP GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN  
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2019 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

**5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	459.093.156		-	
- Giá mua hàng hóa	-		19.447.000	
<b>- Cộng</b>	<b>459.093.156</b>	<b>-</b>	<b>19.447.000</b>	<b>-</b>

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm		958.300.000	1.560.118.182		2.518.418.182
Mua trong năm				33.218.182	33.218.182
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>958.300.000</b>	<b>1.560.118.182</b>	<b>33.218.182</b>	<b>2.551.636.364</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm		778.300.000	665.775.356		1.444.075.356
Khấu hao trong năm		120.000.000	236.402.161	13.840.909	370.243.070
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>898.300.000</b>	<b>902.177.517</b>	<b>13.840.909</b>	<b>1.814.318.426</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	-	180.000.000	894.342.826	-	1.074.342.826
Tại ngày cuối năm	-	60.000.000	657.940.665	19.377.273	737.317.938

**Chi tiết tài sản cố định tăng trong năm**

Dụng cụ quản lý: Máy tính xách tay 33.218.182

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
- Công cụ dụng cụ và các khoản khác	217.614.149	169.396.086
<b>- Cộng</b>	<b>217.614.149</b>	<b>169.396.086</b>

**8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn</b>				
- Vay ngân hàng Tiên Phong	75.000.013	75.000.013	175.000.009	175.000.009
<b>- Cộng</b>	<b>75.000.013</b>	<b>75.000.013</b>	<b>175.000.009</b>	<b>175.000.009</b>

**Vay ngân hàng TMCP Tiên Phong:** Căn cứ vào Thỏa thuận chung về cấp tín dụng tại TPBank giữa TPBank và Khách Hàng ngày 29/07/2016, Mã số 001 (sau đây gọi là "Thỏa thuận") và Hợp đồng tín dụng số 17\_07.16/HDTD/TTKD SGN ngày 29/07/2016 (sau đây gọi chung là Hợp đồng cấp tín dụng); Số tiền vay là 400.000.000 đồng; Mục đích vay là mua 01 xe ô tô bán tải hiệu Fore Ranger XLS 2.2 MT phục vụ mục đích đi lại; thời hạn vay 48 tháng (từ ngày 29/07/2016 đến 29/07/2020); lãi suất linh hoạt như sau: - Lãi suất từ ngày nhận nợ đến 29/07/2017 là 7,5%/năm, - Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo ngày 29/07/2020: lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần và bằng lãi suất cơ bản VND kỳ hạn 03 tháng áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm; tài sản đảm bảo là Xe ô tô bán tải hiệu Fore Ranger XLS 2.2 MT, số khung MNCLMFF20GW590269, số máy P4AT2220413.

**CÔNG TY CP GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN  
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2019 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
- Công ty TNHH MTV TM DV Mỹ Gia Lạc	-	60.323.659
- Công ty TNHH MTV Kiểm Định KT An Toàn Dầu Khí VN - PV EIC	-	74.700.859
- Công ty TNHH XNK TM DV Trung Hậu	-	352.770.000
- Công ty TNHH DV XD Nhà Phố SG Địa Ốc	-	546.810.000
- Công ty TNHH TM DV VC HH Hạnh Tâm An	90.000.000	130.350.000
- Công ty CP TB PCCC Và BHLĐ Phú Quý	224.334.000	-
- Công ty TNHH Địa Ốc Đầu Tư Xây Dựng An Bảo Khang	2.623.786.000	-
- Công ty CP ĐT XD Và PT Hạ Tầng Hưng Thịnh	774.388.120	-
- Công ty TNHH TM DV La Nguyễn	643.500.000	-
- Các khoản phải trả của những khách hàng khác	27.915.700	28.957.500
<b>- Cộng</b>	<b>4.383.923.820</b>	<b>1.193.912.018</b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	199.317.140	2.724.151.044	2.864.418.124	59.050.060
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.037.422	96.191.019	-	109.228.441
- Thuế thu nhập cá nhân	1.730.586	10.688.094	6.395.626	6.023.054
- Thuế, phí và lệ phí		6.500.000	6.500.000	-
<b>- Cộng</b>	<b>214.085.148</b>	<b>2.837.530.157</b>	<b>2.877.313.750</b>	<b>174.301.555</b>

**11. Vốn chủ sở hữu**

**11.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.800.000.000			12.111.518	1.812.111.518
Tăng vốn trong năm trước					
Lãi trong năm trước				111.214.264	111.214.264
Số dư cuối năm trước	1.800.000.000	-	-	123.325.782	1.923.325.782
Số dư đầu năm nay	1.800.000.000	-	-	123.325.782	1.923.325.782
Lãi trong năm nay				384.764.076	384.764.076
Tăng khác		12.332.578	12.332.578		24.665.156
Giảm khác				(123.325.782)	(123.325.782)
Số dư cuối năm nay	1.800.000.000	12.332.578	12.332.578	384.764.076	2.209.429.232

**11.2. Chi tiết Vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2019	01/01/2019
- Lưu Thị Lan	720.000.000	720.000.000
- Phạm Thanh Hải	90.000.000	720.000.000
- Cổ đông khác	990.000.000	360.000.000
<b>- Cộng</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>1.800.000.000</b>

**CÔNG TY CP GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN  
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2019 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

<b>Chi tiết tăng khác</b>	<b>24.665.156</b>
Trích Quỹ dự phòng tài chính 5%	6.166.289
Trích Quỹ bảo hiểm 5%	6.166.289
Trích Quỹ đầu tư phát triển 10%	12.332.578
<b>Chi tiết giảm khác</b>	<b>123.325.782</b>
Trích Quỹ dự phòng tài chính 5%	6.166.289
Trích Quỹ bảo hiểm 5%	6.166.289
Trích Quỹ đầu tư phát triển 10%	12.332.578
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi XH 5%	6.166.289
Phân chia Cổ tức cho các cổ đông	91.506.769
Tiền chậm nộp thuế, Nộp phạt chậm	987.567

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
- Doanh thu bán hàng và cung cấp Dịch vụ	27.304.510.583	8.672.096.676
- <b>Cộng</b>	<b>27.304.510.583</b>	<b>8.672.096.676</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
- Giá vốn của hàng bán và cung cấp Dịch vụ	21.993.115.498	4.433.308.288
- <b>Cộng</b>	<b>21.993.115.498</b>	<b>4.433.308.288</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	681.756	623.943
- <b>Cộng</b>	<b>681.756</b>	<b>623.943</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
- Lãi tiền vay	12.294.869	23.012.004
- <b>Cộng</b>	<b>12.294.869</b>	<b>23.012.004</b>

**5. Thu nhập khác**

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
- Các khoản khác	6	16.143.450
- <b>Cộng</b>	<b>6</b>	<b>16.143.450</b>

**6. Chi phí khác**

	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
- Các khoản khác	374.611	3.300
- <b>Cộng</b>	<b>374.611</b>	<b>3.300</b>

**CÔNG TY CP GIÁM ĐỊNH WORLDCONTROL**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN  
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2019 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

**7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**7.1. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ**

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	2.358.714.365	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	155.546.102	-
- Thuế, phí và lệ phí	17.708.586	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.623.641.731	2.874.624.134
- Chi phí bằng tiền khác	84.200.000	-
- <b>Cộng</b>	<b>4.239.810.784</b>	<b>2.874.624.134</b>

**7.2. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	352.411.547	1.218.898.513
- Chi phí bằng tiền khác	226.229.941	-
- <b>Cộng</b>	<b>578.641.488</b>	<b>1.218.898.513</b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	96.191.019	27.803.566
- <b>Cộng</b>	<b>96.191.019</b>	<b>27.803.566</b>

Ngày 09 tháng 04 năm 2020

Kế Toán Trưởng

*Trần Thị Hồng Nga*

Giám Đốc



TRẦN THỊ LAN

Số: 09/TTr-WSC-HĐQT-2020

TP. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2020

## **TỜ TRÌNH**

**V/v quyết toán thù lao HĐQT, KSV năm 2019 và kế hoạch ngân sách thù lao  
HĐQT, KSV năm 2020**

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**

**Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 09/07/2018;
- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua quyết toán thù lao HĐQT, KSV năm 2019 và kế hoạch ngân sách thù lao HĐQT, KSV năm 2020 như sau:

### **I. QUYẾT TOÁN THÙ LAO NĂM 2019 CỦA HĐQT VÀ KSV:**

#### **1. Thù lao của Hội đồng quản trị:**

- Thù lao của Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm: 10.000.000 đồng/người/tháng. Tổng cộng là 120.000.000 đồng, cụ thể là:
  - + Thù lao cho Bà Lưu Thị Lan – chủ tịch HĐQT (từ 01/2019 – 12/2019): 120.000.000 đồng.
- Thù lao của Thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 5.000.000 đồng/ người/ tháng. Tổng cộng là 60.000.000 đồng, cụ thể là:
  - + Thù lao cho Bà Lưu Thị Huệ - thành viên HĐQT (từ 01/2019 – 12/2019): 60.000.000 đồng.
  - + Thù lao cho Ông Phạm Thanh Hải – thành viên HĐQT kiêm nhiệm (từ 01/2019 – 12/2019): 60.000.000 đồng.

#### **2. Thù lao của Kiểm soát viên:**

- Thù lao cho (01) thành viên Kiểm soát viên kiêm nhiệm là: 1.500.000 đồng/người/tháng. Tổng cộng 18.000.000 đồng, cụ thể là:
  - + Thù lao cho Bà Liên Ngọc Cẩm Tiên – Kiểm soát viên kiêm nhiệm (từ 01/2019 – 12/2019): 18.000.000 đồng.

### **II. KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH THÙ LAO NĂM 2020 CỦA HĐQT và BKS:**

- Thành viên HĐQT, KSV kiêm nhiệm:



8  
1  
Ô  
C  
1  
1  
1  
1  
1  
1

- + Thù lao của Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm: 10.000.000 đồng/người/tháng.
- + Thù lao của Thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 5.000.000 đồng/ người/ tháng.
- + Thù lao của Kiểm soát viên kiêm nhiệm: 1.500.000 đồng/người/tháng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên ;
- TV HĐQT, KSV;
- Lưu VT, TCKT;.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHỦ TỊCH HĐQT**

**LIỆU THỊ LAN**

90102  
CÔNG TY  
PHÂN  
M ĐỊNH  
CONTR  
H.T.P.H.C

9  
N  
T  
M  
Đ  
H

**PHỤ LỤC 1: THỦ LAO HĐQT, KSV KIỂM NGHIỆM NĂM 2019**

Đơn vị: đồng

STT	TIỀN LƯƠNG – THỦ LAO	CHỨC VỤ	THỜI GIAN	QUÝ I	QUÝ II	QUÝ III	QUÝ IV	CỘNG
<b>I</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>							
	<b>Kiểm nhiệm</b>							
1	Lưu Thị Lan	Chủ tịch	Tháng 01/2019 – 12/2019	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	120.000.000
2	Lưu Thị Huệ	Thành viên	Tháng 01/2019 – 12/2019	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	60.000.000
3	Phạm Thanh Hải	Thành viên	Tháng 01/2019 – 12/2019	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	60.000.000
<b>II</b>	<b>KIỂM SOÁT VIÊN (Kiểm nhiệm)</b>							
	Liên Ngọc Cẩm Tiên	KSV	Tháng 01/2019 – 12/2019	4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000	18.000.000
<b>III</b>	<b>CỘNG</b>							
	HĐQT, KSV kiểm nhiệm			64.500.000	64.500.000	64.500.000	64.500.000	258.000.000





Nội dung	Thực hiện 2019
Giá trị chia cổ tức năm 2019 theo tỉ lệ vốn góp	288.573.056
Tỉ lệ cổ tức/ vốn điều lệ	16%
Lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ và chia cổ tức	0

**II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2019**

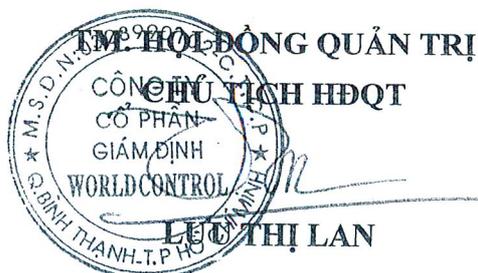
Nội dung	Kế hoạch 2020	Ghi chú
Lợi nhuận trước thuế 2020	500.000.000	
Lợi nhuận sau thuế TNDN 2020	395.000.000	
Tạm ứng cổ tức đợt 1	0	
LNST chưa phân phối năm trước	0	
LNST chưa phân phối	395.000.000	
Quỹ khen thưởng phúc lợi (5% LNST)	19.750.000	
Quỹ dự phòng (5% LNST)	19.750.000	
Quỹ phát triển (10% LNST)	39.500.000	
Quỹ bảo hiểm (5% LNST)	19.750.000	
<b>Tổng các quỹ</b>	<b>98.750.000</b>	
Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ	296.250.000	
Vốn thực góp	1.800.000.000	
Giá trị chia cổ tức năm 2020 theo tỉ lệ vốn góp	296.250.000	
Tỉ lệ cổ tức/ vốn điều lệ	16.4%	
Lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ và chia cổ tức	0	



Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên ;
- KSV (để b/c)
- Lưu VT, HĐQT.



**TỜ TRÌNH**

**V/v lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán  
Báo cáo tài chính năm 2020**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông  
Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol (WSC)

**Căn cứ :**

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần giám định Worldcontrol được ĐHĐCĐ thông qua ngày 09/07/2018;
- Căn cứ nhu cầu hoạt động của Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol.

Để đảm bảo minh bạch và chính xác trong Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giám định Worldcontrol phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, Kiểm soát viên kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 với các nội dung như sau:

**1. Các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:**

- Là tổ chức kiểm toán có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
- Là tổ chức có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, có uy tín, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, nhiều năm kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ kiểm toán BCTC.
- Là tổ chức có năng lực phù hợp theo yêu cầu của WSC và quy định của Pháp luật.

**2. Danh sách công ty kiểm toán độc lập lựa chọn:**

Kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt và uỷ quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn 01 Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 từ danh sách đề xuất các đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật sau:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
2. Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)
4. Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Thăng Long

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, KSV.

**KIỂM SOÁT VIÊN**



**LIÊN NGỌC CẨM TIÊN**

